

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9 -2023

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Mộng Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên

Ông Hà Minh Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Minh Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diễm M, sinh ngày 30/9/1995 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Yên Q, xã Nam Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn chị Trần Thị Diễm M:

Chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bắt đầu quan điểm sống, làm cho đời

sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã không chung sống với nhau cho đến nay. Chị M nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị M xác định trong quá trình chung sống chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Hồng M, sinh ngày 26/3/2014 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 15/02/2016, hiện đang sống cùng với anh H. Khi ly hôn, chị đồng ý giao 02 con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, Chị M không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Chị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn H có ý kiến: Anh H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị M. Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Diễm M; Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Hồng M, sinh ngày 26/3/2014 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 15/02/2016, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Anh thống nhất xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định nên Tòa án không công nhận thuận tình ly hôn được nên tiến hành mở phiên tòa để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị Diễm M tiếp tục xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H; Về con chung đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Hồng M, sinh ngày 26/3/2014 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 15/02/2016 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Diễm M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại ấp Yên Q, xã Nam Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H không có đăng ký hôn nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị thống nhất xác định trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Hồng M, sinh ngày 26/3/2014 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 15/02/2016 hiện đang sống cùng với anh H. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao 02 người con chung cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Xét việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp với điều kiện sinh sống hiện tại, phù hợp theo nguyện vọng của các con nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn chị M nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 14; Điều 51, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H, giao 02 con chung tên Nguyễn Hồng M, sinh ngày 26/3/2014 và Nguyễn Thanh Nh, sinh ngày 15/02/2016 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp chị M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị M. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H thống nhất thỏa thuận anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Diễm M và anh Nguyễn Văn H thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Diễm M phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008836 ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị Diễm M đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu (Dương).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Trần Mộng Thúy